

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 18/01/2021

CỔ PHIẾU "TRÀ ĐÁ" LÊN NGÔI

Diễn biến thị trường:

Tiếp nối phiên tăng điểm cuối tuần trước, thị trường đã thể hiện rõ khao khát "vượt đỉnh" khi VN-Index đạt được mức tăng hơn 4,5 điểm ngay sau phiên ATO và tiến sát mốc 1.200 điểm. Tuy nhiên, một lần nữa bên bán vẫn cố thủ một cách cực kỳ lì lợm tại mốc kháng cự này. Trong phiên giao dịch, cứ mỗi lần VN-Index tiếp cận mốc kháng cự 1.200 điểm thì y rằng gặp phải áp lực bán ra không hề nhỏ. Thời điểm cuối phiên, một cú phản đòn quyết định của bên bán khiến VN-Index đang ở mức đỉnh 1.200,85 điểm quay đầu giảm về mốc 1.191,94 chỉ trong thời gian ngắn cuối phiên. Kết thúc phiên giao dịch đầu tuần mới, VN-Index giảm nhẹ 2,26 điểm, tương ứng với 0,19%.

Dù VN-Index giảm nhẹ hơn 2 điểm nhưng sắc xanh lại chiếm ưu thế hơn trên sàn HSX, với tổng cộng 273 mã tăng giá, so với số mã giảm giá chỉ là 201. Dòng tiền hôm nay có sự rút ra khỏi nhóm cổ phiếu thị trường như ngân hàng, chứng khoán, dầu khí, bất động sản và tập trung vào những nhóm cổ phiếu khác như phân bón, cao su, đường, dệt may, vận tải... Đặc biệt, "họ FLC" cũng thu hút sự chú ý với nhiều mã tăng trần như ROS, FLC, HAI, KLF, AMD, ART. Theo quan sát của chúng tôi, khi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đang có dấu hiệu bão hòa thì nhiều nhà đầu tư đang bắt đầu đi săn những cổ phiếu "trà đá" vốn bị bỏ quên bấy lâu nay, giúp những cổ phiếu này có những phiên tăng trần liên tục như LCM, TGG, FTM, DLG, HQC, TNT...

Thanh khoản trên HSX giảm không đáng kể so với trung bình của tuần giao dịch trước, đạt 17.169 tỷ. Liên tiếp là những phiên bán ròng mạnh tay và rất dứt khoát của các nhà đầu tư nước ngoài. Hôm nay họ bán ròng thêm 601,66 tỷ trên cả 2 sàn, trong đó tập trung nhiều nhất vào các cổ phiếu như HPG (-371,10 tỷ), SSI (-78,46 tỷ) và VHM (-60,79 tỷ). Trên TTCK Phái sinh, cả 4 HĐTL đều đóng cửa trong sắc đỏ và mức basis đã được thu hẹp đáng kể so với những phiên gần đây, chỉ còn 4 đến 20 điểm cho thấy tâm lý giới đầu tư đang dần thận trọng hơn với thị trường.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Liên tục thất bại trước ngưỡng kháng cự 1.200 điểm, điều này khiến VN-Index đang tạm thời đóng cửa với mức điểm hầu như không có sự thay đổi so với thời điểm cách đây gần 1 tuần. Ngưỡng kháng cự 1.200 đang tạo một áp lực không hề nhỏ lên tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Nhìn chung trong 4 phiên giao dịch gần nhất, thị trường hầu như vận động theo chiều hướng đi ngang và điều này thể hiện cho trạng thái cân bằng giữa bên mua và bên bán trong giai đoạn hiện tại. Cho đến khi có những tín hiệu kỹ thuật mới, chúng tôi cho xác suất để thị trường có thể tiếp tục xu hướng tăng hoặc quay đầu giảm điểm ở thời điểm nhạy cảm như hiện tại là như nhau. Vì vậy, chúng tôi vẫn giữ khuyến nghị hạn chế hành động mua mới và chỉ thực sự gia tăng tỷ trọng khi thị trường có những tín hiệu rõ ràng hơn.

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ :

Cổ phiếu	Giá mua	Giá bán	Lợi nhuận kỳ vọng	Giá đóng cửa	Giá cắt lỗ	Cập nhật
DAG	8.0	9.6	21%	8.2	7.3	Chờ khớp
DCM	14.6	17.6	21%	15.1	13.4	Chờ khớp
LM8	11.8	15.7	33%	12.4	10.9	Chờ khớp
SNZ	37.5	41.5	11%	38.8	34.5	Chờ khớp

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	1.191,94	230,50
Thay đổi (%)	0,19%	2,23%
KLGD (triệu CP)	747,42	158,22
GTGD (tỷ VNĐ)	17.169,47	2.358,17
Số CP tăng giá	273	131
Số Cp đứng giá	31	45
Số Cp giảm giá	201	93

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	2,7	1,6
PE (lần)	19,25	16,44
Hệ số Beta	1,02	0,91
ROE (%)	15,26%	12,72%
ROA (%)	5,9%	5,85%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	35,67	02,51
GTGD (tỷ VNĐ)	1.161,04	044,22

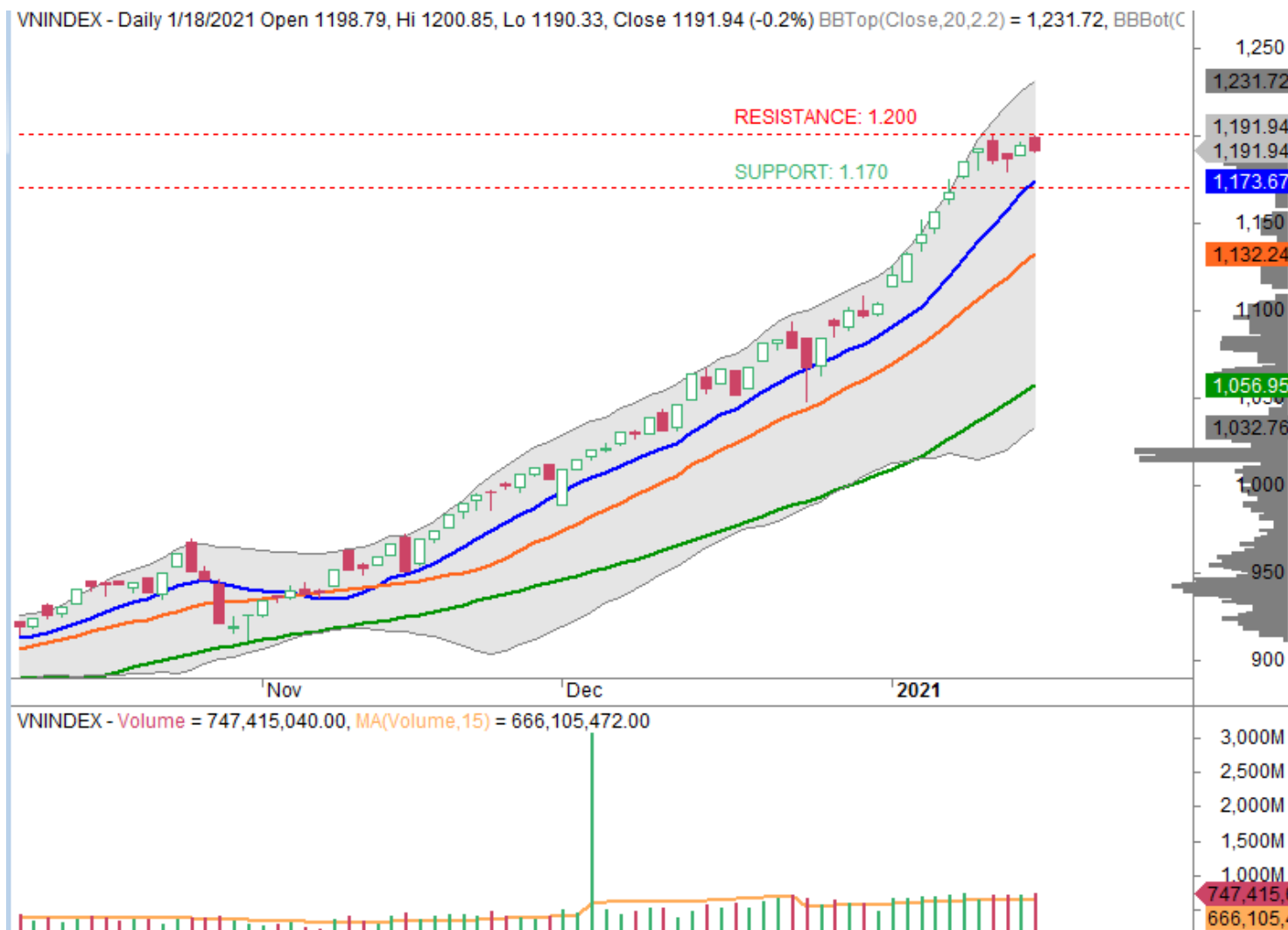
Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	1.390,56	35,97
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	1.948,51	79,71
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	557,95	43,74
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	601,66	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	1.173,34	08,86
VN30F2101	1.177,00	13,50
VN30F2102	1.190,00	08,00
VN30F2103	1.192,80	04,80
VN30F2106	1.191,00	04,70

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	30.814,26	0,57%
S&P 500 *	3.768,25	0,72%
DAX *	13.787,73	1,44%
FTSE 100 *	6.735,71	0,97%
Nikkei 225	28.242,21	0,97%
Hang Seng	28.862,77	1,01%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chi báo/Chỉ số	Chi báo ngắn hạn	Chi báo/Chỉ số	Chi báo Trung hạn
Stochastic	QUÁ MUA	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA65	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TÍCH CỰC

Phân tích kỹ thuật:

4 phiên liên tiếp thị trường vận động theo chiều hướng sideways và mức điểm đóng cửa hầu như không có sự thay đổi so với thời điểm cách đây gần 1 tuần. Biên độ của những phiên giao dịch đang trở nên nhỏ đi thể hiện cho sự thận trọng ở cả bên bán và bên mua.

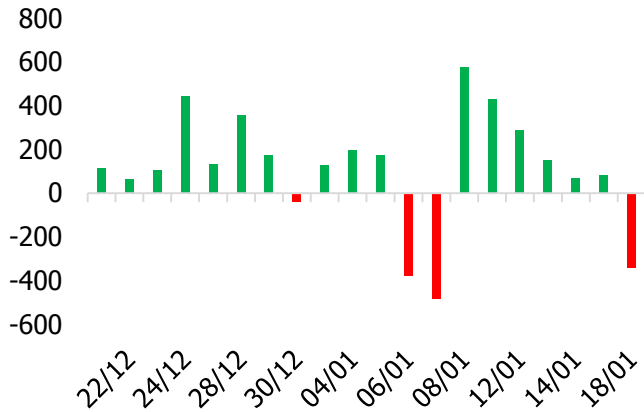
Nhìn chung, thị trường đang ở trong một trạng thái tương đối cân bằng và những tín hiệu kỹ thuật hiện tại chưa đủ cơ sở để kết luận rằng thị trường có thể tiếp tục xu hướng tăng trong ngắn hạn hoặc quay đầu giảm điểm. Ở kịch bản xấu, chúng ta có thể chờ đợi phản ứng của thị trường tại mốc kháng cự 1.170 điểm để ra quyết định đầu tư. Ở kịch bản thuận lợi, mốc kháng cự kỳ vọng để gia tăng tỷ trọng là 1.200 điểm.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

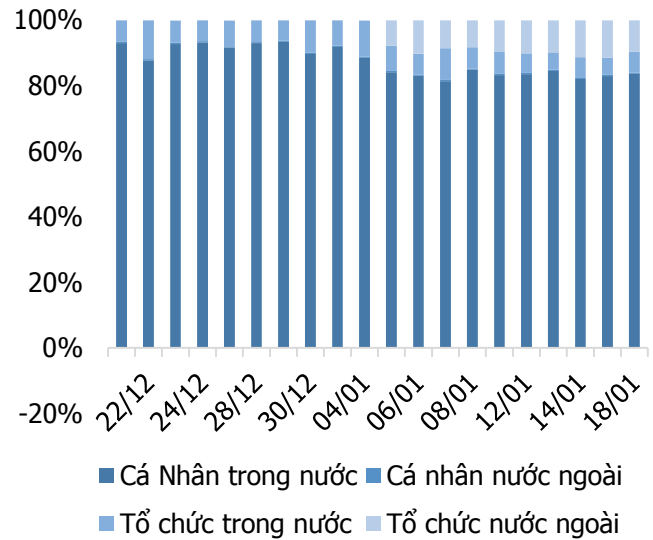
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày

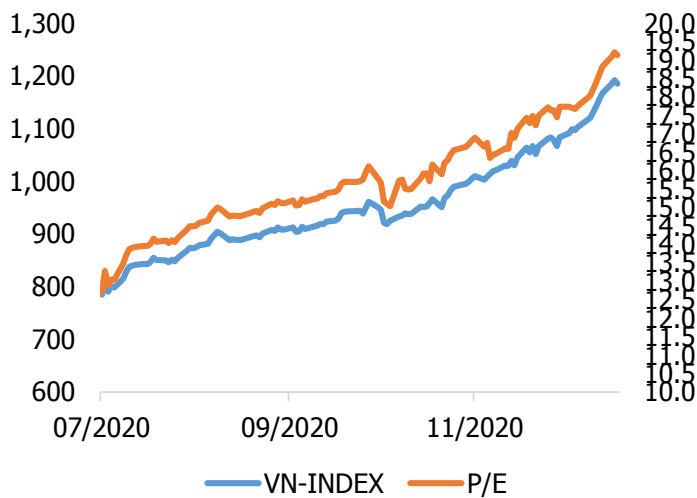


Giá trị Giao dịch theo NĐT-Ngày



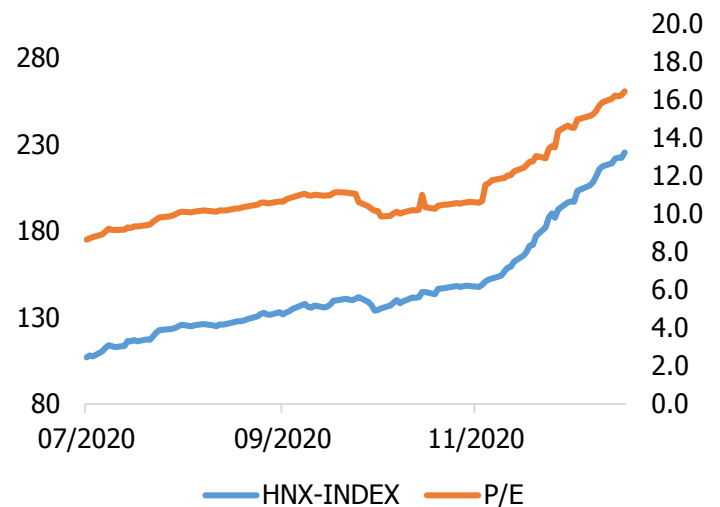
Vn-index – P/E lịch sử

VNINDEX - P/E lịch sử



Hn-index – P/E lịch sử

HNXINDEX - P/E lịch sử



TOP MUA TỰ DOANH

Mã CP	Top mua	
	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
HPG	44,600	97.64
MSN	95,100	54.69
STB	20,600	46.45
TCB	36,200	29.03
VNM	113,300	27.59

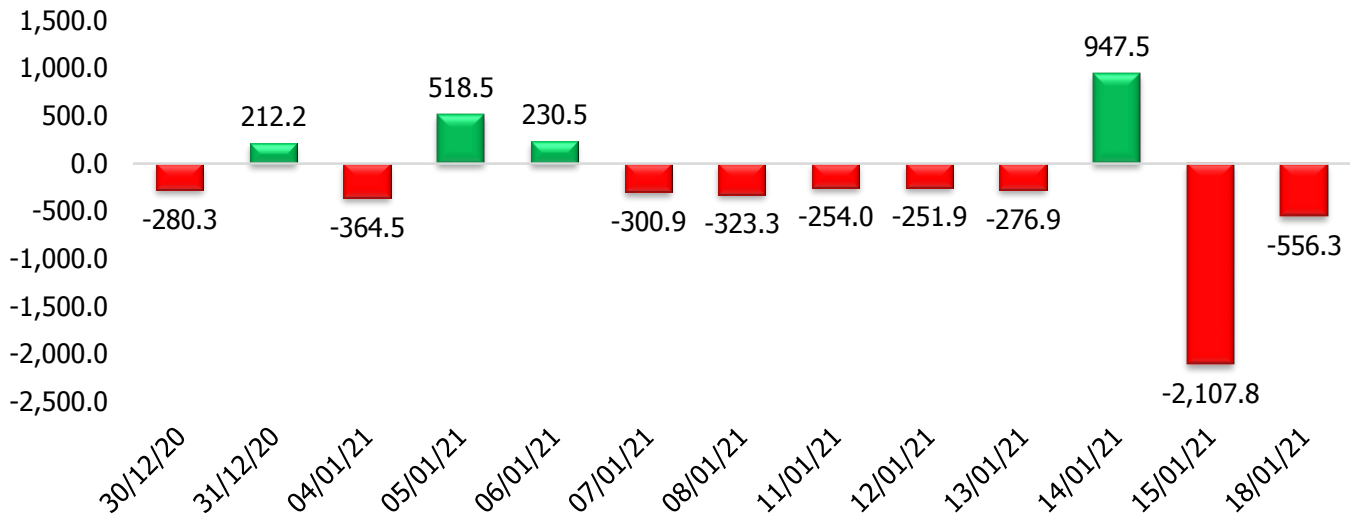
TOP BÁN TỰ DOANH

Mã CP	Top bán	
	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
FUEVFVND	18,920	173.87
TCB	36,200	63.55
DIG	34,850	49.66
HPG	44,600	37.72
VPB	36,450	29.81

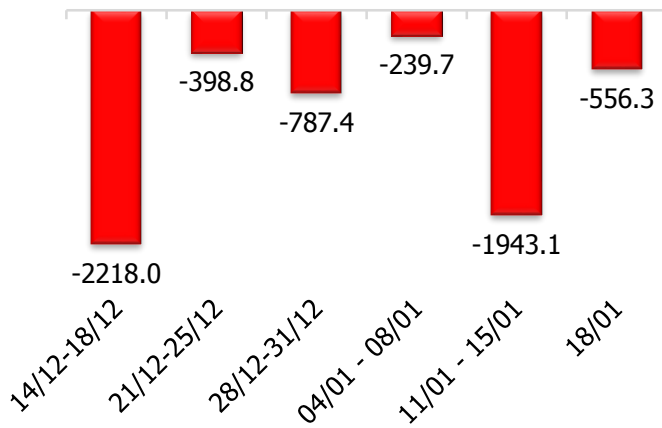
(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

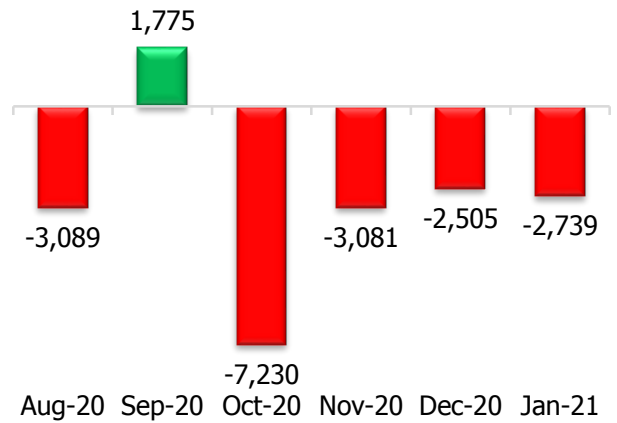
Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tuần gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

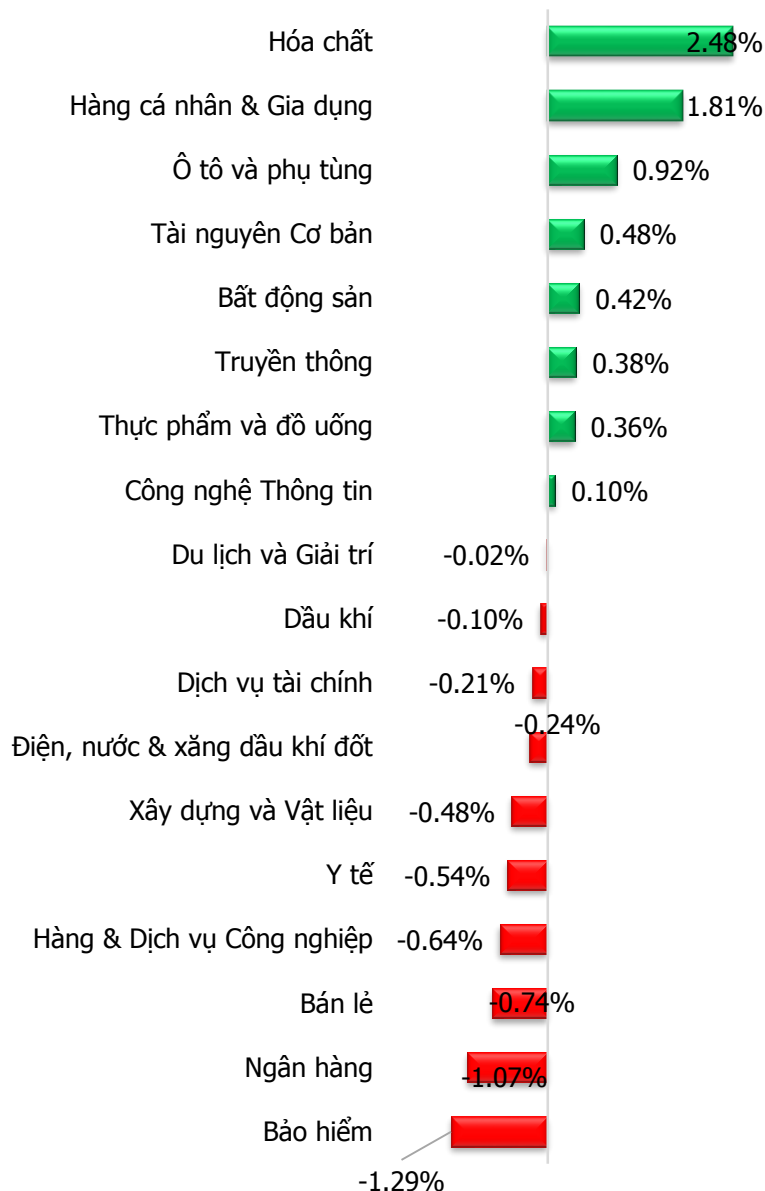
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
FUEVFVND	170.41	HPG	-371.14
PNJ	97.10	SSI	-78.70
VCI	29.36	VHM	-60.73
VJC	28.29	VND	-58.07
SBT	20.57	MBB	-40.96

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

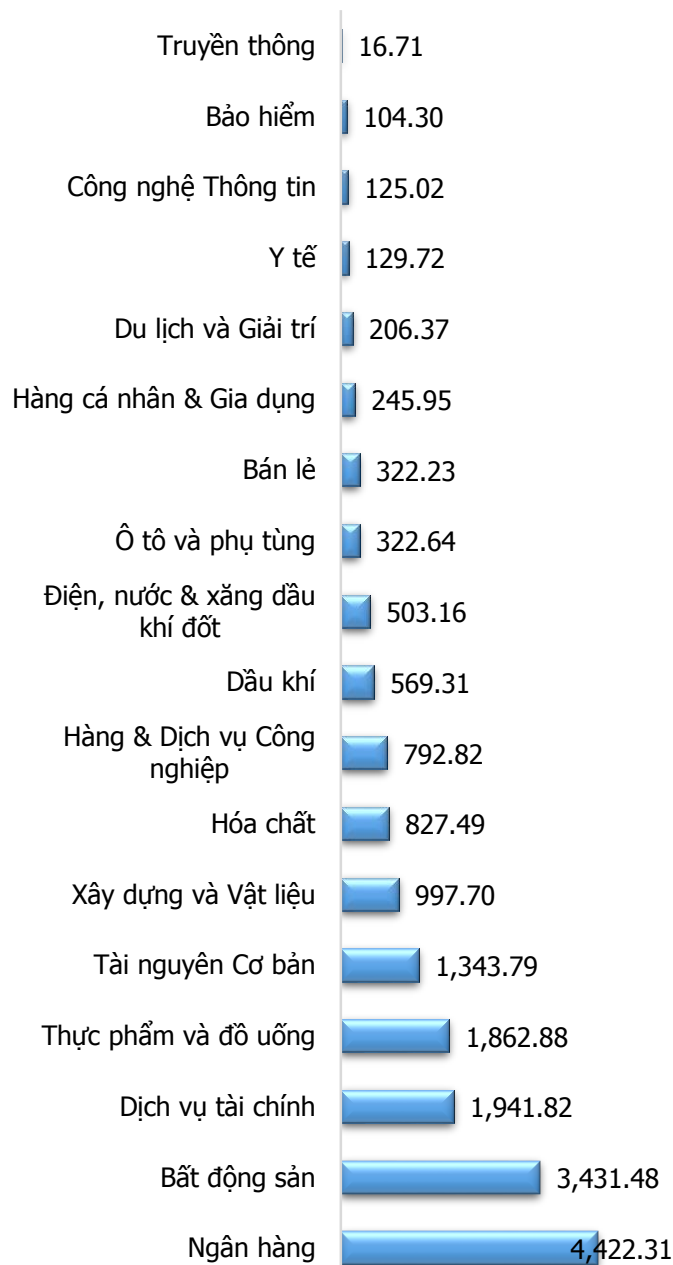
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
SHS	16.81	SHB	-34.75
NVB	8.59	PVS	-21.47
MBS	1.19	IDJ	-4.74
BAX	0.97	APS	-4.60
VCS	0.61	PPS	-2.78

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
VIP	10,700	700	7.00%	1,519,200
KBC	36,800	2,400	6.98%	8,757,000
AMD	3,690	240	6.96%	3,520,300
DAH	4,770	310	6.95%	1,857,300
FLC	5,540	360	6.95%	22,645,300

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PSI	8,800	800	10.00%	162,100
C92	6,600	600	10.00%	35,200
THD	137,500	12,500	10.00%	231,400
SDG	51,800	4,700	9.98%	100
ALT	12,200	1,100	9.91%	2,500

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TTA	17,950	-1,300	-6.75%	346,600
EMC	16,850	-1,250	-6.91%	700
SMA	8,850	-660	-6.94%	3,600
TNH	31,500	-2,350	-6.94%	937,000
TDP	30,150	-2,250	-6.94%	1,700

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KSD	4,700	-500	-9.62%	2,100
TDT	18,800	-2,000	-9.62%	221,400
SJ1	15,900	-1,700	-9.66%	1,100
CAG	41,300	-4,500	-9.83%	100
VNF	28,800	-3,200	-10.00%	3,800

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	20,600	-500	-2.37%	59,659,200
ITA	8,560	200	2.39%	24,808,200
FLC	5,540	360	6.95%	22,645,300
POW	14,750	400	2.79%	16,600,500
FIT	21,300	1,350	6.77%	12,840,900

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	5,100	100	2.00%	15,143,800
PVS	20,900	-700	-3.24%	12,171,700
TNG	21,300	1,900	9.79%	4,403,200
ACM	1,600	100	6.67%	3,444,100
TIG	8,700	-200	-2.25%	3,386,600

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	20,600	-500	-2.37%	59,659,200
ITA	8,560	200	2.39%	24,808,200
FLC	5,540	360	6.95%	22,645,300
HPG	44,600	100	0.22%	18,112,900
HAG	6,300	-90	-1.41%	17,333,400

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	18,600	-600	-3.13%	37,504,200
HUT	5,100	100	2.00%	15,143,800
PVS	20,900	-700	-3.24%	12,171,700
KLF	3,000	200	7.14%	7,391,100
NVB	14,500	1,300	9.85%	7,108,000

(Nguồn: Fiinpro, CSI tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	196,476	19,454	2,133	0.6%	10.7%	22.90	2.51	1,826,275	48,650	-2.60%
2	TCH	9,326	14,259	2,816	10.7%	17.7%	9.38	1.85	7,742,635	26,150	-28.72%
3	CTG	147,074	22,225	2,948	0.9%	13.7%	13.40	1.78	7,916,859	38,600	69.77%
4	KDH	18,999	13,859	2,084	8.4%	15.2%	16.32	2.45	1,497,565	33,650	42.35%
5	PLX	68,254	16,761	847	1.7%	4.3%	66.11	3.34	851,382	56,100	8.52%
6	EIB	27,048	13,500	695	0.6%	5.3%	31.64	1.63	1,994,492	21,450	22.22%
7	FPT	52,208	19,215	4,234	9.4%	18.8%	15.73	3.47	2,273,551	66,300	39.80%
8	GAS	175,318	24,419	4,774	14.3%	18.0%	19.19	3.75	914,459	90,600	2.22%
9	POW	33,606	12,023	671	2.7%	5.2%	21.40	1.19	7,279,932	14,750	35.75%
10	HDB	44,466	13,783	2,700	1.8%	19.5%	10.33	2.02	3,393,920	27,250	65.89%
11	HPG	147,441	16,539	3,235	9.8%	20.9%	13.76	2.69	17,652,380	44,600	116.28%
12	MBB	74,867	16,486	2,993	2.0%	18.4%	8.94	1.62	10,255,009	26,200	43.41%
13	MSN	109,246	17,503	2,066	2.3%	5.9%	45.01	5.31	2,425,460	95,100	66.57%
14	MWG	59,571	32,913	8,516	9.7%	27.9%	15.01	3.88	1,049,724	126,400	13.67%
15	NVL	71,506	25,614	5,861	5.5%	21.6%	12.37	2.83	2,723,033	71,700	31.82%
16	PNJ	18,764	21,558	4,567	12.4%	21.4%	18.07	3.83	1,048,644	83,900	-5.62%
17	REE	16,534	35,105	4,614	7.2%	12.8%	11.60	1.52	539,078	53,900	57.90%
18	ROS	1,987	10,382	-84	-0.4%	-0.8%	-41.55	0.34	8,382,243	3,740	-68.89%
19	SAB	128,577	30,884	6,652	16.3%	21.5%	30.14	6.49	388,480	200,400	-11.81%
20	SBT	15,203	11,786	696	2.4%	5.5%	34.22	2.02	4,187,650	25,000	31.40%
21	SSI	22,134	15,748	1,842	4.1%	11.6%	20.06	2.35	7,367,852	36,300	147.78%
22	STB	38,057	15,637	1,318	0.5%	8.7%	16.01	1.35	17,636,448	20,600	105.85%
23	TCB	129,156	20,015	3,257	2.9%	17.2%	11.31	1.84	14,597,885	36,200	60.92%
24	VCB	382,756	25,204	4,631	1.5%	19.4%	22.28	4.09	1,095,068	103,300	16.51%
25	VHM	334,215	22,770	6,762	10.6%	30.6%	15.02	4.46	3,216,501	101,000	17.73%
26	VIC	376,126	24,271	2,509	2.1%	7.0%	44.32	4.58	932,134	110,300	-3.30%
27	VJC	69,042	26,687	-741	-0.8%	-2.7%	-177.96	4.94	783,601	132,000	-9.73%
28	VNM	238,011	14,044	5,319	23.3%	35.3%	21.41	8.11	2,022,400	113,300	20.51%
29	VPB	91,439	20,257	4,119	2.5%	21.8%	9.04	1.84	7,041,850	36,450	72.06%
30	VRE	83,394	12,466	1,002	6.0%	8.3%	36.63	2.94	5,107,233	37,350	10.54%

(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: <https://www.vncsi.com.vn>